

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 469/QĐ-TTg

Hà Nội, ngày 28 tháng 02 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Danh mục dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước
trong lĩnh vực thông tin và truyền thông**

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 18 tháng 02 năm 2025;

Căn cứ Luật Công nghệ thông tin ngày 29 tháng 6 năm 2006;

Căn cứ Luật Xuất bản ngày 20 tháng 11 năm 2012;

Căn cứ Luật An toàn thông tin mạng ngày 19 tháng 11 năm 2015;

Căn cứ Luật Báo chí ngày 05 tháng 4 năm 2016;

Căn cứ Luật Viễn thông ngày 24 tháng 11 năm 2023;

*Căn cứ Nghị định số 72/2015/NĐ-CP ngày 07 tháng 9 năm 2015 của
Chính phủ về quản lý hoạt động thông tin đối ngoại;*

*Căn cứ Nghị định số 32/2019/NĐ-CP ngày 10 tháng 4 năm 2019 của
Chính phủ quy định giao nhiệm vụ, đặt hàng hoặc đấu thầu cung cấp sản phẩm,
dịch vụ công sử dụng ngân sách nhà nước từ nguồn kinh phí chi thường xuyên;*

*Căn cứ Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21 tháng 6 năm 2021 của
Chính phủ quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập;*

Căn cứ Nghị định số 48/2022/NĐ-CP ngày 26 tháng 7 năm 2022 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Thông tin và Truyền thông;

Căn cứ Nghị định số 49/2024/NĐ-CP ngày 10 tháng 5 năm 2024 của Chính phủ quy định về hoạt động thông tin cơ sở;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Danh mục dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước trong lĩnh vực thông tin và truyền thông.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành, thay thế Quyết định số 1265/QĐ-TTg ngày 18 tháng 8 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Danh mục dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước trong lĩnh vực thông tin và truyền thông.

2. Việc cung cấp sản phẩm, dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước trong lĩnh vực thông tin và truyền thông theo Danh mục ban hành kèm theo Quyết định này thực hiện theo quy định tại Nghị định số 32/2019/NĐ-CP ngày 10 tháng 4 năm 2019 của Chính phủ quy định giao nhiệm vụ, đặt hàng hoặc đấu thầu cung cấp sản phẩm, dịch vụ công sử dụng ngân sách nhà nước từ nguồn kinh phí thường xuyên; Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21 tháng 6 năm 2021 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập và các quy định của pháp luật liên quan.

Điều 3. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:

- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;
- Văn phòng Trung ương Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Văn phòng Quốc hội;
- Kiểm toán nhà nước;
- Ủy ban trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan trung ương của các đoàn thể;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, TGĐ Công TTĐT, các Vụ: KTTH, QHQT, Cục KSTT, Công báo;
- Lưu: VT, KGVX (2).



**KT.THỦ TƯỚNG
PHÓ THỦ TƯỚNG**

Hồ Đức Phúc

DANH MỤC

**Dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước
trong lĩnh vực thông tin và truyền thông**

(Kèm theo Quyết định số /QĐ- TTg
ngày tháng 02 năm 2025 của Thủ tướng Chính phủ)

| STT | Tên dịch vụ |
|----------|---|
| I | BÁO CHÍ, TRUYỀN THÔNG, XUẤT BẢN, THÔNG TIN CƠ SỞ |
| 1 | Lĩnh vực báo chí |
| a | <p>Dịch vụ báo chí tuyên truyền phục vụ nhiệm vụ chính trị, an ninh, quốc phòng, thông tin đối ngoại, phục vụ thiếu niên, nhi đồng, người khiếm thính, khiếm thị, đồng bào vùng dân tộc thiểu số, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, vùng sâu, vùng xa, miền núi, biên giới, hải đảo và các nhiệm vụ trọng yếu khác phù hợp với từng giai đoạn theo quyết định của Thủ tướng Chính phủ, bao gồm các nội dung sau:</p> <ul style="list-style-type: none">- Sản xuất các tác phẩm báo chí; chương trình phát thanh, truyền hình.- In, phát hành (đối với báo in, tạp chí in); đăng tải lên Internet không khóa mã (đối với báo điện tử, tạp chí điện tử).- Truyền dẫn, phát sóng và truyền tải đối với các kênh phát thanh, kênh truyền hình quảng bá phục vụ nhiệm vụ chính trị, thông tin tuyên truyền thiết yếu của quốc gia và địa phương trên các hạ tầng truyền dẫn, phát sóng phát thanh, truyền hình mặt đất, vệ tinh, mạng Internet (Không sử dụng ngân sách nhà nước thực hiện nội dung dịch vụ này đối với: Loại hình trả tiền; cung cấp dịch vụ của cơ quan báo nói, báo hình đã được đảm bảo nguồn kinh phí truyền dẫn, phát sóng, truyền tải theo quy định của pháp luật). |
| b | <p>Dịch vụ sản xuất nội dung và đăng, phát thông tin phục vụ nhiệm vụ chính trị, truyền thông chính sách của các cơ quan báo chí trên nền tảng số, mạng xã hội và trang thông tin điện tử.</p> |
| 2 | Lĩnh vực xuất bản |
| | <p>Tổ chức bản thảo và xuất bản tác phẩm, tài liệu phục vụ nhiệm vụ chính trị, an ninh, quốc phòng, thông tin đối ngoại, phục vụ đồng bào vùng dân tộc thiểu số, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, vùng sâu, vùng xa, miền núi, biên giới, hải đảo, thiếu niên, nhi đồng, người khiếm thính, khiếm thị và các nhiệm vụ trọng yếu khác; bao gồm các nội dung sau:</p> <ul style="list-style-type: none">- Tổ chức bản thảo (bản mẫu), biên tập nội dung theo quy trình xuất bản.- In, phát hành (đối với xuất bản phẩm in).- Đăng tải lên Internet không khóa mã (đối với xuất bản phẩm điện tử). |

| STT | Tên dịch vụ |
|-----------|--|
| 3 | Lĩnh vực thông tin cơ sở |
| | Dịch vụ thông tin cơ sở cung cấp thông tin thiết yếu, phục vụ nhiệm vụ chính trị, an ninh, quốc phòng, bao gồm: |
| a | Dịch vụ sản xuất, phát sóng các chương trình phát thanh do đài truyền thanh - truyền hình cấp huyện hoặc bộ phận chuyên biệt làm công tác thông tin cơ sở thuộc Trung tâm Văn hóa, Thông tin và Thể thao, Trung tâm Truyền thông và Văn hóa hoặc Trung tâm có tên gọi khác “làm công tác thông tin cơ sở” của cấp huyện thực hiện. |
| b | Dịch vụ sản xuất, phát hành bản tin Thông tin cơ sở. |
| c | Dịch vụ sản xuất, phát hành tài liệu không kinh doanh hoạt động thông tin cơ sở. |
| 4 | Lĩnh vực thông tin đối ngoại |
| a | Dịch vụ thông tin, tuyên truyền đối ngoại, quảng bá hình ảnh Việt Nam, bao gồm: sản xuất sản phẩm và nội dung thông tin; in, phát hành, truyền dẫn, phát sóng và đăng phát trên mạng Internet. |
| b | Dịch vụ tổ chức và sản xuất nội dung thông tin đối ngoại; duy trì, vận hành, khai thác cơ sở dữ liệu lĩnh vực thông tin đối ngoại. |
| c | Dịch vụ tổ chức sự kiện phục vụ công tác thông tin đối ngoại, dịch vụ truyền thông, tuyên truyền đối ngoại và tổ chức hoạt động hỗ trợ, hợp tác với các cơ quan thông tấn, báo chí, công ty truyền thông, phóng viên nước ngoài để quảng bá Việt Nam tại nước ngoài. |
| 5 | Dịch vụ đo lường mức độ tiếp cận, sử dụng thông tin của khán giả, công chúng để đánh giá hiệu quả nội dung thông tin tuyên truyền phục vụ nhiệm vụ chính trị, an ninh - quốc phòng, thông tin đối ngoại và phát triển kinh tế - xã hội. |
| II | VIỄN THÔNG, INTERNET |
| 1 | Dịch vụ đo kiểm chất lượng dịch vụ viễn thông (theo quy chuẩn chất lượng) phục vụ quản lý nhà nước. |
| 2 | Dịch vụ đo kiểm sản phẩm, hàng hóa có khả năng mất an toàn thuộc lĩnh vực thông tin và truyền thông. |
| 3 | Dịch vụ thu thập, xử lý dữ liệu nghiệp vụ phục vụ giám sát, điều tiết thị trường viễn thông. |
| 4 | Dịch vụ đo kiểm chất lượng kỹ thuật truyền dẫn, phát sóng các chương trình phát thanh, truyền hình đối với các kênh phát thanh, kênh truyền hình phục vụ nhiệm vụ chính trị, thông tin tuyên truyền thiết yếu trên dịch vụ phát thanh, truyền hình. |

| STT | Tên dịch vụ |
|------------|--|
| III | CÔNG NGHỆ THÔNG TIN |
| 1 | Ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số |
| a | Dịch vụ quản trị, vận hành cơ sở dữ liệu quốc gia; cơ sở dữ liệu, hệ thống thông tin, hạ tầng kỹ thuật dùng chung của các bộ, ban, ngành trung ương, địa phương thiết yếu đối với đời sống kinh tế - xã hội của đất nước, cộng đồng dân cư hoặc phục vụ cho công tác bảo đảm quốc phòng, an ninh mà Nhà nước phải tổ chức thực hiện. |
| b | Dịch vụ đo lường, cung cấp thông tin phục vụ đánh giá việc cung cấp, sử dụng thông tin điện tử và dịch vụ công trực tuyến của cơ quan nhà nước. |
| c | Dịch vụ đánh giá kỹ thuật về kết nối các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu của cơ quan nhà nước với cơ sở dữ liệu quốc gia. |
| d | Dịch vụ hỗ trợ, duy trì việc kết nối, chia sẻ dữ liệu giữa các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương trên nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu quốc gia. |
| 2 | Công nghiệp Công nghệ thông tin và truyền thông |
| | Dịch vụ đánh giá sản phẩm, dịch vụ công nghệ thông tin, công nghệ số thuộc Danh mục sản phẩm, dịch vụ công nghệ thông tin, công nghệ số trọng điểm theo quy định của pháp luật. |
| 3 | An toàn thông tin |
| a | Dịch vụ điều phối hoạt động ứng cứu sự cố an toàn thông tin mạng của các cơ quan Đảng, Nhà nước, tổ chức chính trị - xã hội. |
| b | Dịch vụ thu thập, phân tích và cảnh báo nguy cơ, sự cố tấn công mạng cho các cơ quan Đảng, Nhà nước, tổ chức chính trị - xã hội. |
| c | Dịch vụ diễn tập phòng chống tấn công mạng đảm bảo an toàn thông tin mạng cho các lĩnh vực quan trọng của Đảng, Nhà nước. |
| d | Dịch vụ giám sát phòng, chống, ngăn chặn thư rác, tin nhắn rác cho các cơ quan Đảng, Nhà nước, tổ chức chính trị - xã hội. |
| đ | Dịch vụ giám sát an toàn thông tin mạng cho các lĩnh vực quan trọng và hệ thống thông tin phục vụ Chính phủ điện tử. |
| e | Dịch vụ rà quét, xử lý mã độc cho các cơ quan Đảng, Nhà nước, tổ chức chính trị - xã hội. |
| g | Dịch vụ kiểm tra, đánh giá an toàn thông tin mạng cho hệ thống thông tin của cơ quan Đảng, Nhà nước, tổ chức chính trị - xã hội. |
| h | Dịch vụ giám sát an toàn không gian mạng Việt Nam. |